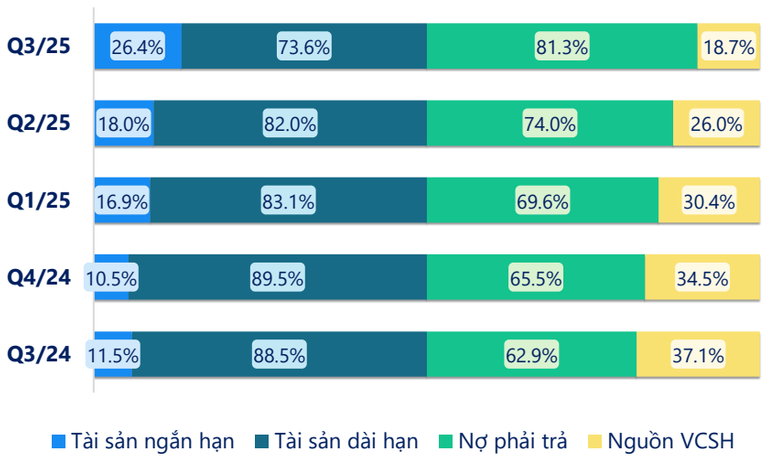
FireAnt

CTCP Dầu khí Đầu tư khai thác cảng Phước An (UPCOM: PAP)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	24,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,000
SL cổ phiếu LH	232,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,485
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,591
P/E	-13.9
EPS	-1,736

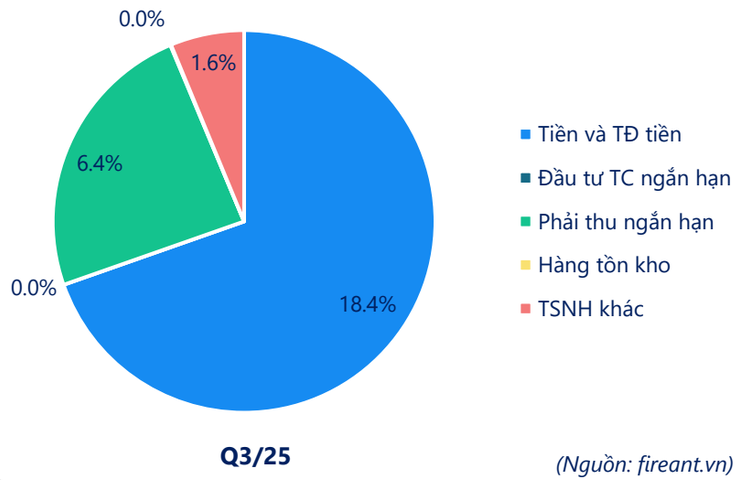
	YTD	1T	3T	6T
PAP	-12.7%	-7.7%	-9.4%	-22.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



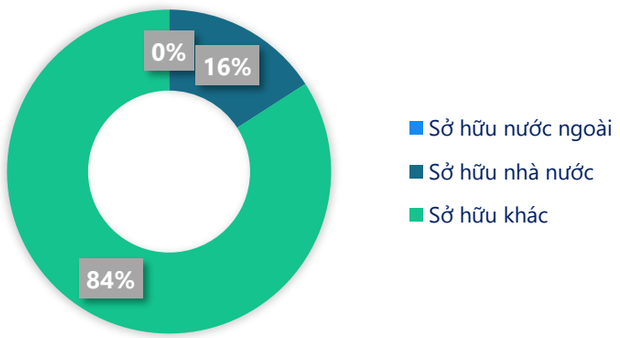
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



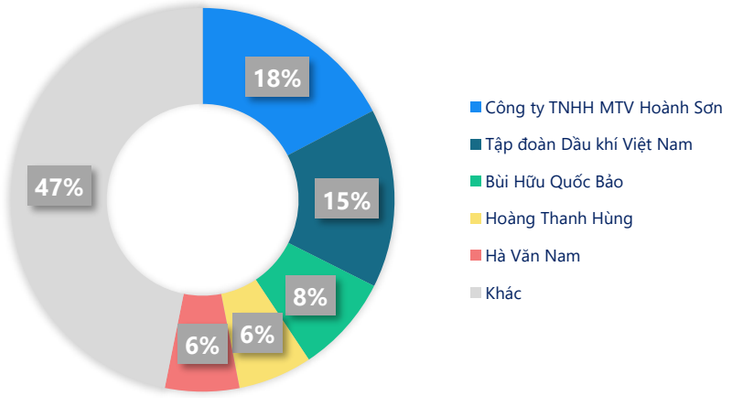
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



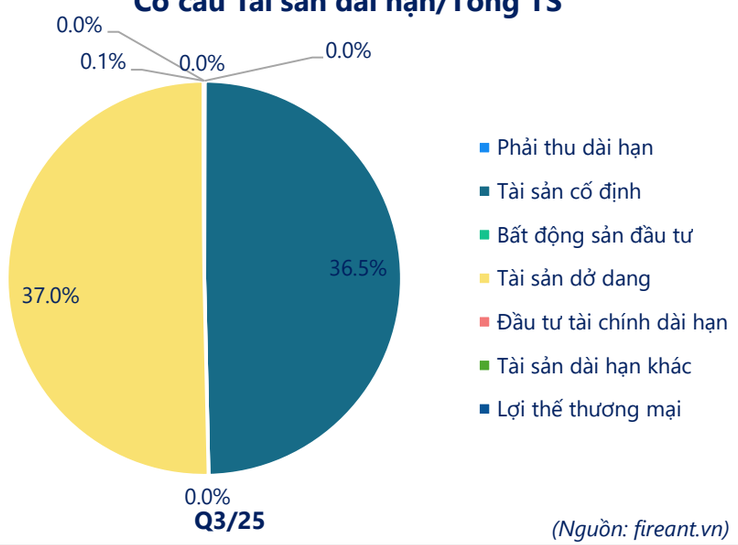
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

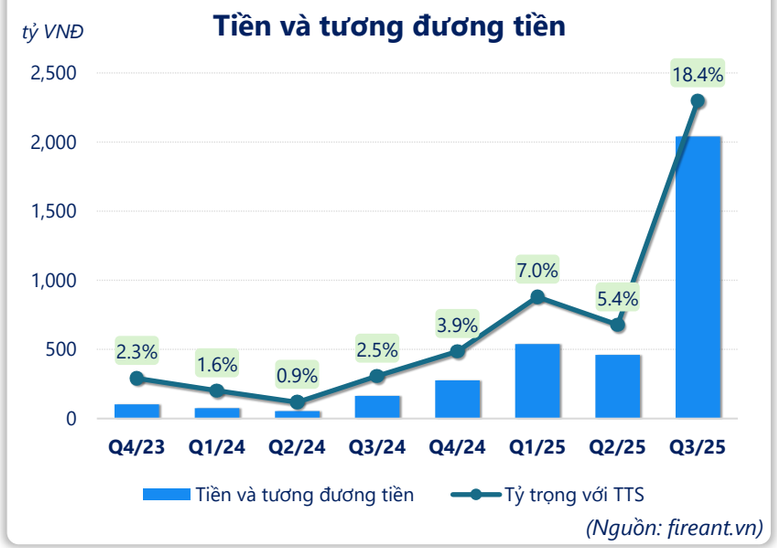


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

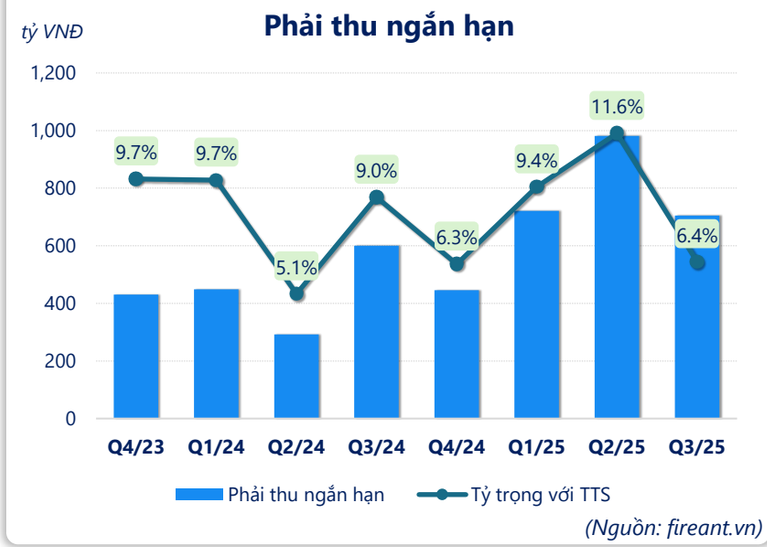
CTCP Dầu khí Đầu tư khai thác cảng Phước An (UPCOM: PAP)

Tiền và tương đương tiền



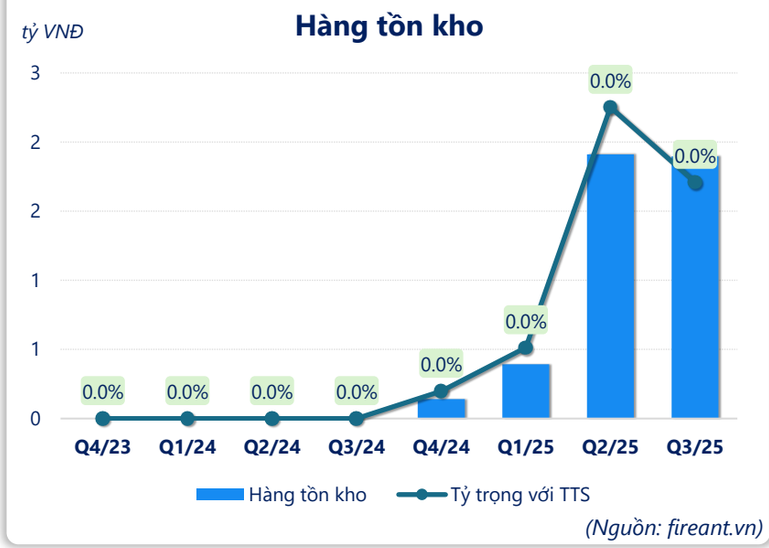
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



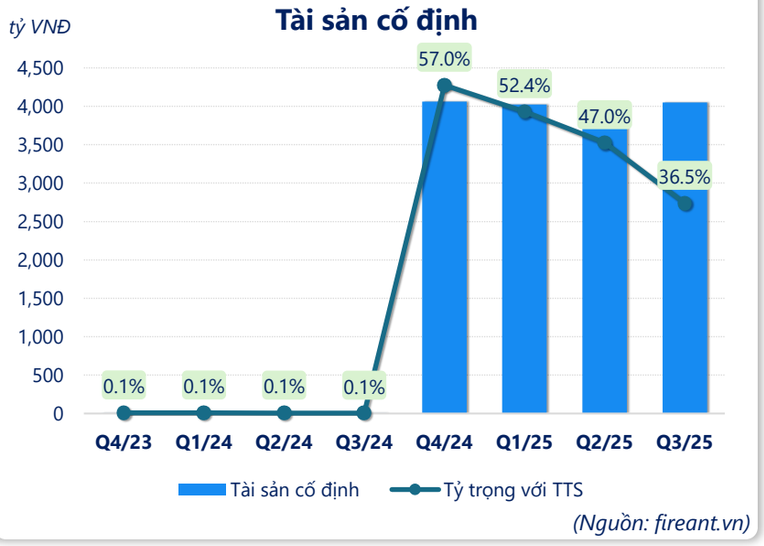
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



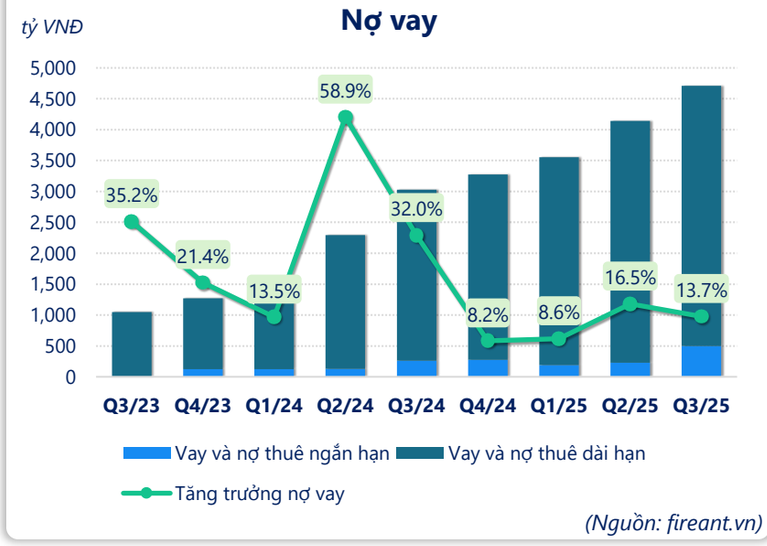
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



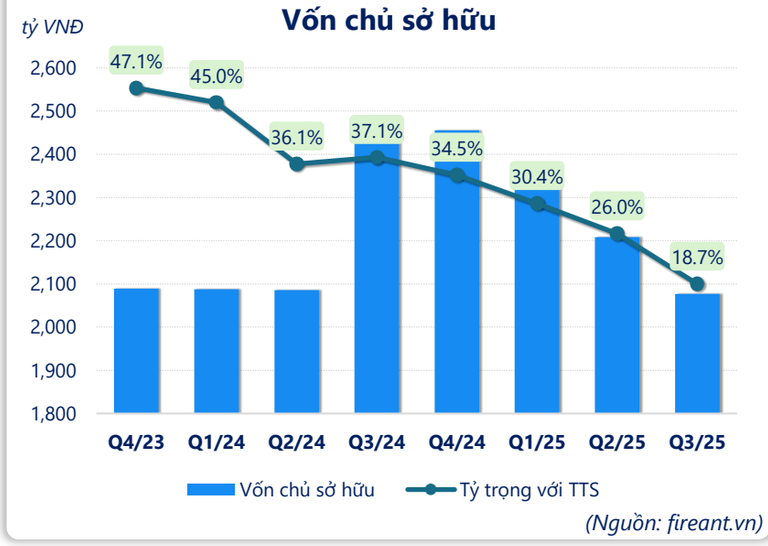
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

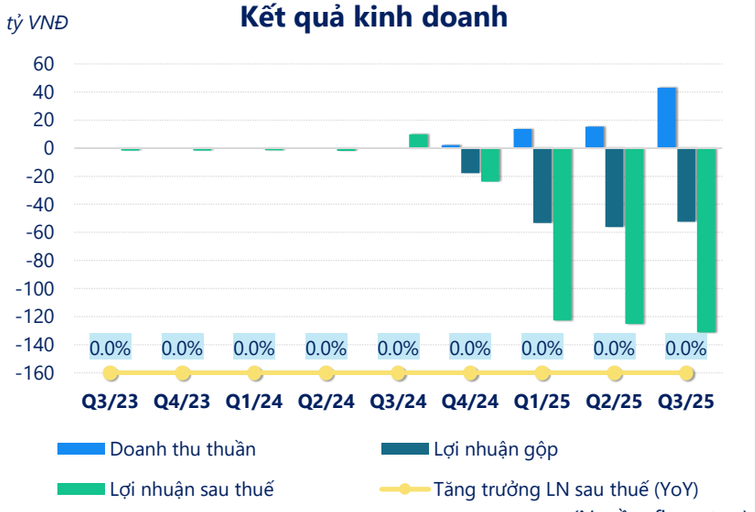


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

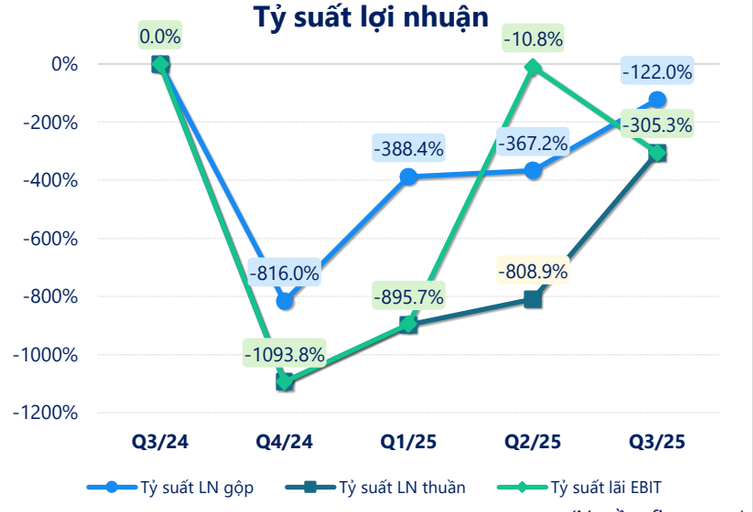
CTCP Dầu khí Đầu tư khai thác cảng Phước An (UPCOM: PAP)

Kết quả kinh doanh



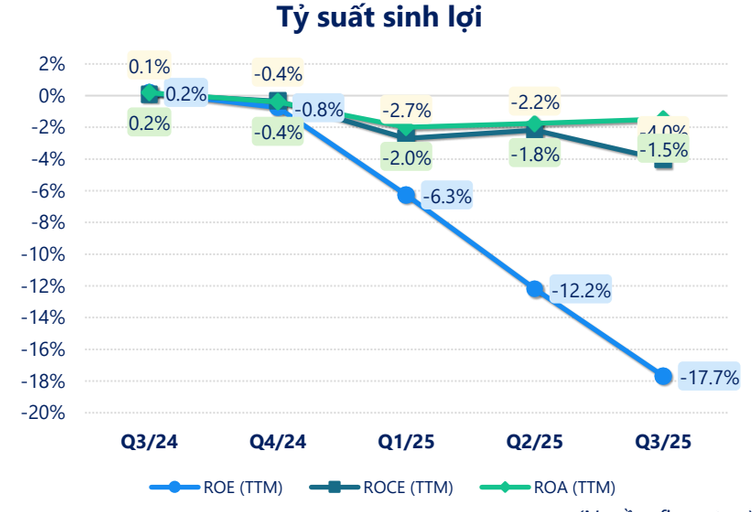
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



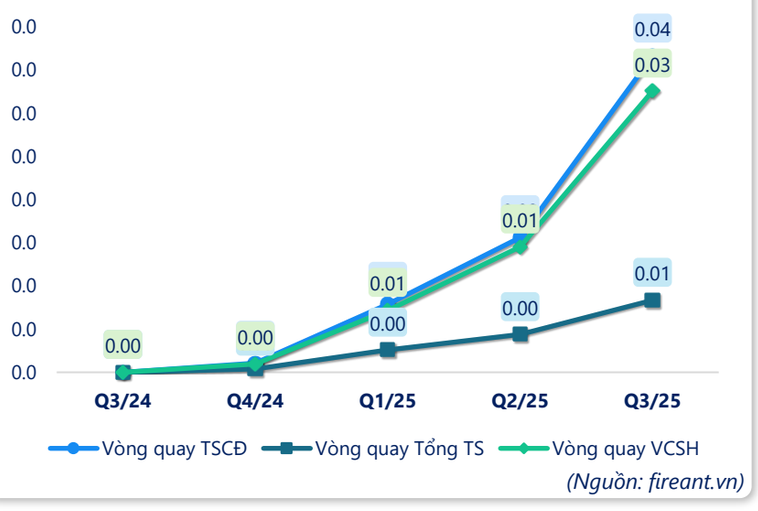
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



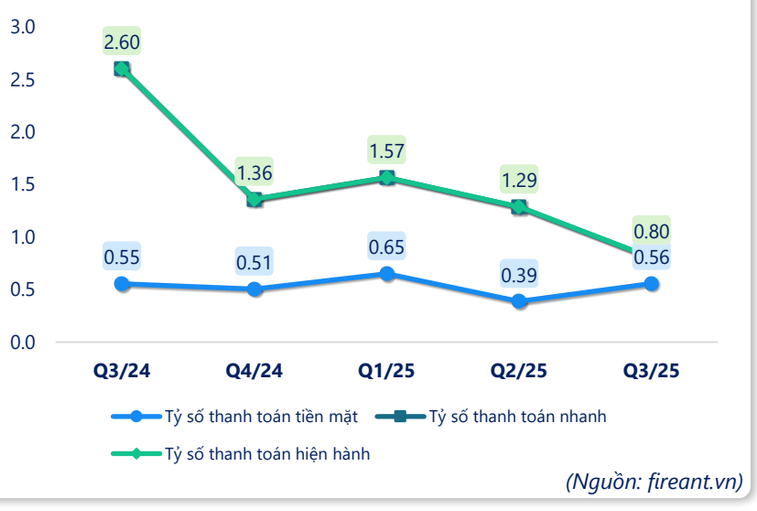
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



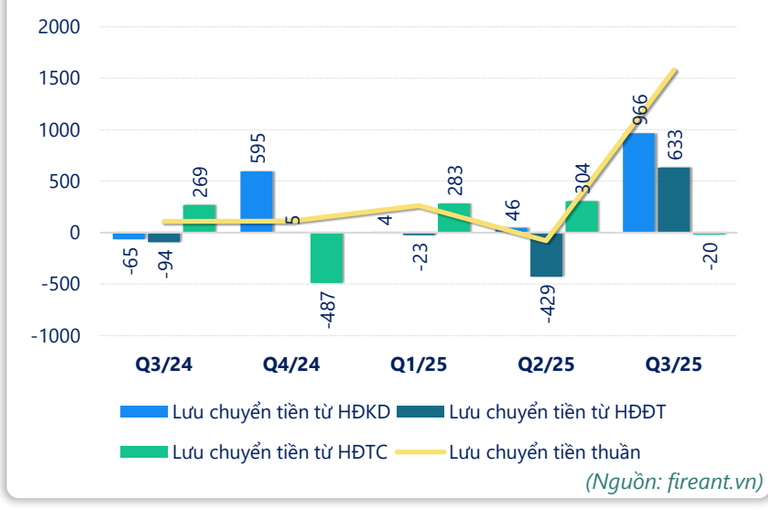
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Dầu khí Đầu tư khai thác cảng Phước An (UPCOM: PAP)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**11,090**	**7,121**	**55.7%**
Tài sản ngắn hạn	2,930	744	294%
Tiền và tương đương tiền	2,040	277	637%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	705	446	58.2%
Hàng tồn kho	1.90	0.14	1244%
Tài sản ngắn hạn khác	183	21.8	740%
Tài sản dài hạn	**8,160**	**6,377**	**28.0%**
Phải thu dài hạn	4.06	3.88	4.6%
Tài sản cố định	4,048	4,059	-0.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4,102	2,309	77.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**5.88**	**4.16**	**41.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	9,013	4,665	93.2%
Nợ ngắn hạn	**3,654**	**547**	**568%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	499	273	82.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	736	12.4	5818%
Nợ dài hạn	5,359	4,118	30.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	4,211	3,000	40.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,077**	**2,456**	**-15.4%**
Vốn chủ sở hữu	**2,077**	**2,456**	**-15.4%**
Vốn điều lệ	2,320	2,320	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	0	2.18	13.7	15.3	43.0
Giá vốn hàng bán	0	19.9	66.8	71.5	95.5
Lợi nhuận gộp	0	-17.8	-53.2	-56.2	-52.5
Doanh thu HĐTC	10.5	0	2.52	6.71	12.8
Chi phí TC	0	3.23	62.8	61.2	74.9
Chi phí lãi vay	0	0	0	123	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0.45	1.93	2.81	3.82
Chi phí QLDN	0.63	2.36	7.44	10.3	12.9
LN thuần từ HĐKD	9.92	-23.8	-123	-124	-131
Lợi nhuận khác	0	0.00	0.21	-1.33	-0.04
LN trước thuế	9.92	-23.8	-123	-125	-131
Lợi nhuận sau thuế	9.92	-23.8	-123	-125	-131
LNST của CĐ cty mẹ	9.92	-23.8	-123	-125	-131

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-64.9	595	3.65	45.9	966
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-93.8	4.78	-23.4	-429	633
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	269	-487	283	304	-19.8
Tiền đầu kỳ	54.5	164	277	540	461
Lưu chuyển tiền thuần	**110**	**112**	**263**	**-79.0**	**1,579**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	164	277	540	461	2,040

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic